TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/DS-ST
Ngày: 30/03/2026
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng và cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dũng.

Ông Nguyễn Phú Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân ku vực 6 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng và cầm cố tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-DS, ngày 26/02/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 84/2026/QĐST-DS, ngày 13/03/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ trụ sở: Số 40, Phạm Hồng T, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Minh là: Ông Ngô Văn Q - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số 3, Lý Thường K, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Q là: Bà Lê Hồng N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 3, đường Lý Thường K, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 29/03/2026).

- Bị đơn:

1. Hà Tấn H, sinh năm 1992.

2. Nguyễn Công Kim L, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp B, phường Mỹ Ngãi, Đồng Tháp.

(Bà Lê Hồng N là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L là bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và tại phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ Ngân hàng TMCP K (có bà Lê Hồng N là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:***

Anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L có vay vốn của Ngân hàng TMCP K theo các hợp đồng tính dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00952/HĐTD-CC, ngày 12/2/2025 số tiền vay: 35.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi lăm triệu đồng). Mục đích vay mua bán nhỏ, thời hạn cho vay 90 ngày; Ngày cuối hợp đồng: 13/05/2025.

- Loại hình tín dụng: Trả góp vốn và lãi theo định kỳ hàng ngày.

- Lãi suất cho vay: 16%/năm (tương ứng với lãi suất tính theo dư nợ thực tế là: 16%/năm).

- Tiền lãi phải trả bằng dư nợ vay thực tế nhân (x) Lãi suất vay (%/năm) nhân (x) số ngày vay thực tế chia (:) 365. Trong đó, số ngày vay thực tế được tính từ ngày giải ngân cho đến hết ngày liền kề trước ngày bên A thanh toán hết các khoản nợ tại bên B theo quy định tại Hợp đồng tín dụng này và nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 1 ngày thì được tính đủ 1 ngày.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tiền lãi nợ quá hạn bằng số nợ gốc phải trả nhưng chưa nhân Lãi suất nợ quá hạn (%/năm) nhân (x) số ngày chậm trả nợ gốc chia (:) 365. Trong đó, số ngày chậm trả nợ gốc được tính từ ngày đến hạn trả nợ gốc đến hết ngày liền kề trước ngày bên A trả hết phần nợ gốc bị quá hạn.

- Lãi suất lãi chậm trả bằng (=) 10%/năm. Tiền lãi chậm trả bằng (=) số tiền lãi trong hạn phải trả nhưng chưa trả nhân (x) lãi suất lãi chậm trả (%/năm) nhân (x) số ngày chậm trả lãi chia (:) 365. Trong đó, số ngày chậm trả lãi được tính từ ngày đến hạn trả lãi đến hết ngày liền kề trước ngày bên A trả hết phần lãi vay chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố nêu trên được bảo đảm bằng tài sản là: Xe HONDA VARIO 125. Biển số đăng ký: 66FA -204.42 do anh Hà Tấn Hòa đứng tên chủ sở hữu.

Từ khi anh H và chị L vay tiền thì có đóng lãi và gốc được số tiền 11.318.478 đồng (trong đó gốc là 10.888.889 đồng, lãi là 429.589 đồng) đến ngày 13/3/2025 thì ngưng trả gốc và lãi.

Hiện nay, anh H và chị L còn nợ số tiền gốc là 24.111.111 đồng và tiền lãi trong hạn số tiền là 951.233 đồng, tiền lãi quá hạn số tiền là 5.416.743 đồng, tiền lãi chậm trả số tiền là 99.814 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi là 30.578.901 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: NH 00953/HĐTD-CC, số tiền vay: 15.000.000 đồng (bằng chữ: Mười lăm triệu đồng). Mục đích vay mua bán nhỏ, Thời hạn cho vay 90 ngày. Ngày vay 12/02/2025; Ngày cuối hợp đồng: 13/05/2025; Loại hình tín dụng trả góp vốn và lãi theo định kỳ hàng ngày lãi suất cho vay: 16%/năm (tương ứng với lãi suất tính theo dư nợ thực tế là 16%/năm).

- Tiền lãi phải trả bằng (=) Dư nợ vay thực tế nhân (x) lãi suất vay (%/năm) nhân (x) số ngày vay thực tế chia (:) 365. Trong đó, số ngày vay thực tế được tính từ ngày giải ngân cho đến hết ngày liền kề trước ngày bên A thanh toán hết các khoản nợ tại bên B theo quy định tại Hợp đồng tín dụng này và nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 1 ngày thì được tính đủ 1 ngày.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng (=)150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tiền lãi nợ quá hạn bằng (=) số nợ gốc phải trả nhưng chưa trả nhân (x) lãi suất nợ quá hạn (%/năm) nhân (x) số ngày chậm trả nợ góc chia (:) 365. Trong đó, số ngày chậm trả nợ gốc được tính từ ngày đến hạn trả nợ gốc đến hết ngày liên kề trước ngày bên A trả hết phần nợ gốc bị quá hạn.

- Lãi suất lãi chậm trả bằng (=) 10%/năm. Tiền lãi chậm trả bằng (=) số tiền lãi trong hạn phải trả nhưng chưa nhân (x) lãi suất lãi chậm trả (%/năm) nhân (x) số ngày chậm trả lãi chia (:) 365. Trong đó, số ngày chậm trả lãi được tính từ ngày đến hạn trả lãi đến hết ngày liền kề trước ngày bên A trả hết phần lãi vay chậm trả.

Từ khi anh H và chị L vay tiền thì có đóng lãi và gốc được số tiền 4.850.777 đồng (trong đó gốc là 4.666.667 đồng, lãi là 184.110 đồng) đến ngày 13/3/2025 thì ngưng trả gốc và lãi.

Hiện nay, anh H và chị L còn nợ số tiền gốc là 10.333.333 đồng và tiền lãi trong hạn số tiền là 407.671 đồng, tiền lãi quá hạn số tiền là 2.321.461 đồng, tiền lãi chậm trả số tiền là 42.778 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi là 13.105.243 đồng.

Trong quá trình vay vốn, anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L không thanh toán nợ cho Ngân hàng K theo đúng như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00952/HĐTD-CC ngày 12/02/2025 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00953/HĐTD-CC ngày 12/02/2025 đã ký kết.

Khi đến hạn thanh toán nợ. Ngân hàng đã nhiều lần gởi thông báo nợ, gọi điện đôn đốc nhắc nhở anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L để thực hiện việc trả nợ, làm cam kết trả nợ nhưng anh H và chị L không thực hiện đúng theo cam kết và hiện tại 02 Hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00952/HĐTD-CC, ngày 12/02/2025 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00953/HĐTD-CC ngày 12/02/2025 được ký kết giữa Ngân hàng với anh H và chị L. Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành.

Nay Ngân hàng K yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Buộc anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L liên đới trả tổng gốc và lãi của 02 khoản vay như sau: Nợ gốc 34.444.444 đồng, tiền lãi trong hạn 1.358.904 đồng, tiền lãi quá hạn 7.738.204 đồng, tiền lãi chậm trả 142.592 đồng.

- Đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00952/HĐTD-CC, cùng ngày 12/02/2025 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00953/HĐTD-CC, cùng ngày 12/02/2025 được ký giữa Ngân hàng TMCP K với anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L. Nay Ngân hàng TMCP K rút lại đối với yêu cầu này.

**** Bị đơn anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L trình bày:*** Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L nhưng anh H và chị L không có văn bản ý kiến và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng và cầm cố tài sản. Bị đơn anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L có địa chỉ tại: Tổ A, ấp B, Phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP K (có bà Lê Hồng N là người đại diện theo uỷ quyền) có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH00952/HDDTD-CC, ngày 12/02/2025 và theo bảng kê tính lãi đến ngày 30/03/2026, số tiền còn nợ gốc là 24.111.111 đồng, nợ lãi trong hạn là 951.233 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.416.743 đồng và nợ lãi chậm trả là 99.814 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH00953/HDDTD-CC, ngày 12/02/2025 và theo bảng tính lãi đến ngày 30/03/2026, số tiền còn nợ gốc là

10.333.333 đồng, nợ lãi trong hạn là 407.671 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.321.461 đồng và nợ lãi chậm trả là 42.778 đồng. Từ ngày 13/03/2025, anh H và chị L đã không thực hiện thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng. Như vậy, anh H và chị L ký đã không thanh toán đúng như nghĩa vụ giao kết cho các giao dịch phát sinh đối với Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ tại hợp đồng giữa Ngân hàng và anh H, chị L đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố ngày 12/02/2025.

Đồng thời, hợp đồng tín dụng này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện.

Theo bảng tính lãi theo hợp đồng ngày 30/03/2026 thì anh H và chị L còn nợ của Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay nêu trên như sau: Nợ gốc 34.444.444 đồng, tiền lãi trong hạn 1.358.904 đồng, tiền lãi quá hạn 7.738.204 đồng, tiền lãi chậm trả 142.592 đồng.

Xét việc Ngân hàng tính các khoản lãi quá hạn và lãi chậm trả nêu trên thì theo như thoả thuận của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH00952/HĐTD-CC, ngày 12/02/2025 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH00953/HĐTD-CC, ngày 12/02/2025 thì giữa Ngân hàng và anh H, chị L có thoả thuận tại Điều 2 của Hợp đồng đối với tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả. Việc thoả thuận giữa các bên phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP).

Từ những phân tích nêu trên, Ngân hàng TMCP K yêu cầu buộc anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay là nợ gốc 34.444.444 đồng, tiền lãi trong hạn 1.358.904 đồng, tiền lãi quá hạn 7.738.204 đồng, tiền lãi chậm trả 142.592 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH00952/HĐTD-CC, ngày 12/02/2025 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH00953/HĐTD-CC, ngày 12/02/2025 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 209 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 280, Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc và lãi là 43.684.144 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng).

Anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH00952/HĐTD-CC, ngày 12/02/2025 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH00953/HĐTD-CC, ngày 12/02/2025 kể từ ngày 31/03/2026 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00952/HĐTD-CC, cùng ngày 12/02/2025 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NH 00953/HĐTD-CC, cùng ngày 12/02/2025 được ký giữa Ngân hàng TMCP K với anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Tấn H và chị Nguyễn Công Kim L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.184.207 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm lẻ bảy đồng).

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.261.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001259 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV6-ĐT;
- Phòng THADS KV6-ĐT;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huế